

Bản án số: 62/2017/HSST

Ngày 28-08-2017

V/v “ Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đắc Liệt

Bà Hoàng Thị Lê Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXX-ST ngày 01-08-2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Bích N, sinh năm 1965, cư trú tại: Số 195/40 đường B, Phường 4, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

Bị đơn : Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 195/40 đường B, Phường 4, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-03-2017, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Bích N trình bày:

Chị và anh Lê Văn Đ tìm hiểu hai năm thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 03-01-1987. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thành phố V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị và các con đã khuyên can nhưng

anh Đ vẫn không thay đổi. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm. Mặc dù anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm đã hơn một năm. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chị có bốn con chung là Lê Thị H, sinh ngày 26-07-1987; Lê Thị D, sinh ngày 27-02-1990; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11-12-1995; Lê Nhất H, sinh ngày 01-05-2005. Các con Lê Thị H, Lê Thị D, Lê Thị Thanh T đã trưởng thành nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Nhất H, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nhất H, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt niêm yết các văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn anh Lê Văn Đ tại nơi cư trú để anh Đ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, vắng mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng, anh Đ cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng. Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, xác định vợ chồng chị N, anh Đ trong quan hệ hôn nhân phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ.

Về con chung: Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nhất H, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Yêu cầu của chị N có căn cứ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị N về quyền nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Lê Văn Đ, anh Đ không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị N – anh Đ là hợp pháp, đúng qui định pháp luật. Tuy nhiên mâu thuẫn tình cảm giữa anh chị đã không thể hàn gắn được, từ năm 2016 đến nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Biên bản xác minh tại địa phương xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N – anh Đ là do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N – anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Đ có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Các con Lê Thị H, Lê Thị D, Lê Thị Thanh T đã trưởng thành, chị N – anh Đ không yêu cầu giải quyết. Cháu Lê Nhất H thể hiện nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ. Nhằm đảm bảo toàn diện quyền lợi chính đáng của cháu H, xét thấy chị N có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, nên quyết định chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nhất H. Căn cứ Giấy xác nhận của công ty TNHH vận tải và dịch vụ du lịch H xác định mức lương chính của anh Đ là 5.450.000 đ/một tháng. Chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp và có căn cứ pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của chị N về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng và thời hạn cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Bích N về việc ly hôn với anh Lê Văn Đ.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Bích N được quyền ly hôn với anh Lê Văn Đ.

3. Về con chung:

Chị Trần Bích N và anh Lê Văn Đ có bốn con chung: Lê Thị H, sinh ngày 26-07-1987; Lê Thị D, sinh ngày 27-02-1990; Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11-12-1995; Lê Nhất H, sinh ngày 01-05-2005. Các con Lê Thị H, Lê Thị D, Lê Thị Thanh T đã trưởng thành nên chị Trần Bích N và anh Lê Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

Chị Trần Bích N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê Nhất H, sinh ngày 01-05-2005.

Anh Lê Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) một tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Lê Nhất H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn Đ có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung : Chị Trần Bích N và anh Lê Văn Đ không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Bích N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001987 ngày 08-02-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xuân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo